**NS: 15/03/2023**

**ND: 27/03/2023**

**Tiết 27:** **ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố, ôn tập các kiến thức đã học.

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải một số bài tập , giải thích được một số hiện tượng thường gặp trong thực tế.

- Chuẩn bị các kiến thức cho bài Kiểm tra giữa kì 2.

**2. Kĩ năng:**

-Rèn kĩ năng giải bài tập cho HS

**3.Thái độ**: Nghiêm túc, cẩn thận.

**II.CHUẨN BỊ**

-Giáo viên :

+ Đề cương ôn tập

+ Ma trận đề kt giữa kì

-Học sinh : Sgk và vở ghi chép và đề cương

**III.CHUỖI CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC** | | |
| **1.Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  -Hướng dẫn HS ôn lại một số nội dung đã học ở phần phụ lục  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Gọi một số HS lên trả lời  - Yêu cầu HS cả lớp nhận xét  - GV đánh giá, nhận xét và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -Ôn và nhắc lại một số nội dung đã học ở học  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện mỗi HS trình bày nội dung đã học.  - Các HS khác có ý kiến bổ sung | **I.LÝ THUYẾT**  **1. Công suất**  **2. Cơ năng**  **3. Cấu tạo chất, đặc điểm của nguyên tử, phân tử.**  **4. Nhiệt năng**  **5. Các hình thức truyền nhiệt** |
| **B.** **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - HD, gợi ý cho HS để trả lời bài tập trắc nghiệm và bài tập tự luận ở phụ lục.  -Gọi lần lượt các học sinh lên trả lời và làm bài tập phần tự luận.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + Yêu cầu HS nhận xét kết quả của bạn và tự nhận xét kết quả của mình.  - Chính xác hóa các kiến thức cho học sinh.  ***\*Dặn dò*:**  - Ôn tập kĩ nội dung đã học và làm các dạng bài tập trong đề cương để tiết sau KT giữa kì 2. | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS làm việc cá nhân làm bài tập phần trắc nghiêm.  -Hoạt động nhóm theo bàn làm bài tập phần tự luận.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -Lên bảng làm các bài tập  - HS nhận xét kết quả của bạn và tự nhận xét kết quả của mình theo hướng dẫn của GV.  - Các nhóm khác có ý kiến bổ sung.  -Sửa bài tập vào vở | **II.BÀI TẬP**  1.Bài tập về tính công suất  2. Giải thích các hiện tượng trong cuộc sống. |

**PHỤ LỤC:**

**PHẦN 1: LÝ THUYẾT**

Câu 1: Công suất là gì? Nêu đơn vị của công suất và công thức tính công suất.

Câu 2 : Cơ năng là gì ? Cơ năng có mấy dạng

Câu 3 : Khi nào vật có thế năng trọng trường ? Thế năng trọng trường phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Cho ví dụ vật có thế năng trọng trường

Câu 4 : Khi nào vật có thế năng đàn hồi ? Thế năng đàn hồi phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Cho ví dụ vật có thế năng đàn hồi.

Câu 5 : Khi nào vật có động năng ? Cho ví dụ. Động năng của vật phụ thuộc vào những yếu tố nào ?

Câu 6 : Trình bày thuyết vật chất

Câu 7 : Nêu các đặc điểm của nguyên tử, phân tử

Câu 8 : Giải thích độ hút về thể tích trong thí nghiệm mô hình

Câu 9 : Nhiệt năng là gì ? Nhiệt năng của một vật phụ thuộc vào những yếu tố nào ? Các cách làm thay đổi nhiệt năng ? cho ví dụ .

Câu 10:Nhiệt lượng là gì ? ký hiệu / Đơn vị .

Câu 11:Có mấy hình thức truyền nhiệt chủ yếu ? Hãy trình bày các hình thức truyền nhiệt đó. Các hình thức đó xảy ra chủ yếu trong môi trường nào ?

**PHẦN 2: BÀI TẬP THAM KHẢO**

**I.Phần trắc nghiệm : Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng**

**Câu 1**:Khi hòa 0,5 lít muối vào 1 lít nước ta được:

A. 1,5 lít nước muối C. Nhiều hơn 1,5 lít nước muối

B. Ít hơn 1,5 lít nước muối D.Có thể ít hơn cũng có thể bằng 1,5 lít nước muối

**Câu 2**:Phần nhiệt năng mà vật nhận thêm được hay mất bớt đi trong quá trình truyền nhiệt được gọi là:

A.Động năng B. Nhiệt lượng C. Cơ năng D.Thế năng

**Câu 3:** Đối lưu là sự truyền nhiệt xảy ra trong chất nào ?

A Chỉ ở chất lỏng C Chỉ ở chất lỏng và chất khí

B Chỉ ở chất khí D Ở các chất lỏng, chất khí và chất rắn

***Câu 4***:Vật nào sau đây có động năng:

A.Thác nước B Xe ô tô C.Con vịt D.Máy bay

**Câu 5**. Tính chất nào sau đây **không phải** của nguyên tử, phân tử?

A. Chuyển động không ngừng.

B. Chuyển động càng nhanh khi nhiệt độ của vật càng cao.

C. Giữa các nguyên tử, phân tử cấu tạo nên vật có khoảng cách.

D. Chỉ có thế năng, không có động năng.

**Câu 6** : Trong các sự truyền nhiệt dưới đây sự truyền nhiệt nào **không phải** là bức xạ nhiệt

A. Sự truyền nhiệt từ Mặt Trời tới Trái Đất

B. Sự truyền nhiệt từ bếp lò đến người đứng gần bếp lò

C. Sự tryền nhiệt từ dây tóc bóng đèn sáng ra khoảng không gian trong bóng đèn

D. Sự truyền nhiệt từ đầu bị nung nóng sang đầu không bị nung nóng của một thanh đồng

**Câu 7**: Năng lượng từ mặt trời truyền xuống trái đất bằng cách nào:

A- Đối lưu B- Dẫn nhiệt

C- Bức xạ nhiệt D- Bằng một cách khác

**Câu 8**: Trong những ngày rét sờ vào kim loại ta lại thấy lạnh . Hình thức truyền nhiệt nào đã xảy ra ?

A.Bức xạ nhiệt . C.Đối lưu .

B.Dẫn nhiệt . D.Cả ba hình thức trên cùng xảy ra đồng thời

**Câu 9**. Những hiện tượng nào sau đây **không** phải đối lưu?

A. Đun nước trong ấm

B.Sự tạo thành gió

C.sự thông khí trong lò

D.Sự truyền nhiệt ra bên ngoài thành bóng bởi đốt nóng bóng đèn dây tóc

***Câu 10* : Vật nào sau đây có thế năng:**

A. Quả ổi B. Máy bay C. Đồng hồ treo trên tường D. xe ô tô đang chạy ngoài đường

**Câu 11:Đơn vị của nhiệt lượng là:**

A. J B. J/kg C. J/kg.K D. J/s

**Câu 12: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về nhiệt năng của một vật?**

A. Chỉ có những vật có nhiệt độ cao mới có nhiệt năng.

B. Chỉ có những vật có khối lượng lớn mới có nhiệt năng.

C. Bất kì vật nào dù nóng hay lạnh cũng đều có nhiệt năng.

D. Chỉ có những vật có trọng lượng riêng lớn mới có nhiệt năng.

**Câu 13**: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về công suất:

A. Công suất được xác định bằng công thực hiện được khi vật dịch chuyển một mét

B. Công suất được xác định bằng lực tác dụng trong một giây

C. Công suất được xác định bằng công thức P= A.t

D. Công suất được xác định bằng công thực hiện được trong một giây

**II. Tự luận**

**Câu 1:**Một máy khi hoạt động với công suất P = 1600W thì nâng được vật nặng m=100kg lên độ cao 12m trong 30s.

a. Tính công có ích để nâng vật lên độ cao h

b. Tính công mà máy đã thực hiện được trong thời gian nâng vật

**Câu 2:** Một máy bay trực thăng khi cất cách, động cơ tạo ra một lực phát động 12000N. Sau 150s máy bay đạt được độ cao 650m. Tính công suất của động cơ máy bay

**Câu 3:** Một ô tô có công suất 75kw.

a.Tính công do ô tô thực hiện trong 1,5 giờ

b.Biết xe chuyển động đều với vận tốc 10m/s.Hãy tính độ lớn của lực kéo và nghiệm lại công thức P=F.V